TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2023/HNGĐ- ST
Ngày 08/8/2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Chỉnh.

Ông Nguyễn Xuân Chung.

-***Thư ký phiên tòa***: Bà Lưu Thị Trưng- Thư ký Tòa án.

-***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Đức Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023, về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Anh Trần Đình H, sinh năm 1993. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn NL, xã NP, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- ***Bị đơn***: Chị Vũ Thị Huyền T, sinh năm 1997. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

ĐKHKTT: Thôn NL, xã NP, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Thôn TD, xã HL, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện nội dung vụ án N sau:

Nguyên đơn anh Trần Đình H trình bày: Anh H kết hôn với chị Vũ Thị Huyền T tháng 7/2018, trước khi cưới có tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã NP, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau ngay, có thời gian hòa thuận nay có 01 con chung. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến khoảng tháng 10/2022 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T không quan tâm đến đời sống gia đình bỏ mặc chồng con, thường xuyên chơi trò đỏ đen trên mạng. Toàn bộ việc chăm sóc con là do anh H đảm nhận, chị T không để ý và đi làm có lương cũng không đóng góp cho anh để anh nuôi con. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chỉ cãi nhau, không đánh nhau. Hai bên gia đình có dàn xếp Nng chị T không nghe và không sửa đổi tính nết. Chị T sống theo kiểu tự do thích đi thì đi, thích về thì về không ai bảo được. Chị T đã về nhà đẻ từ đầu tháng 3/2023 cho đến nay không quay lại chung sống cùng anh nữa. Từ khi chị T về nhà đẻ anh có đến gọi vài lần Nng chị T không về. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị được ly hôn chị T theo quy định của pháp luật.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Quỳnh N, sinh ngày 11/9/2021 nay đang ở với chị T, đời sống được đảm bảo. Sau khi ly hôn nguyện vọng anh muốn được nuôi con, nếu chị T nhận nuôi con anh cũng nhất trí vì con chưa đủ 36 tháng tuổi.

Tài sản, công nợ, ruộng canh tác không có vướng mắc gì, nếu vợ chồng phải ly hôn anh không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Vũ Thị Huyền T trình bày: Chị T kết hôn với anh Trần Đình H năm 2018. Chị và anh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã NP, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn cả hai có được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc, việc kết hôn H toàn là sự tự nguyện của cả chị và anh H, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Tổ chức hôn lễ xong chị về nhà anh H làm dâu và sinh sống cùng gia đình anh H tại thôn NL, xã NP, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống không phù hợp, hai vợ chồng không chung chí hướng phát triển kinh tế dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi vã. Việc này gia đình hai bên có biết và đã khuyên nhủ, động viên tuy nhiên không thành. Chị và anh H đã ly thân từ tháng 9/2022 đến nay, chị đã về nhà mẹ đẻ tại thôn TD, xã HL, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang sinh sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể về chung sống cùng nhau được nữa, anh H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn chị T đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Trần Quỳnh N, sinh ngày 11/ 9/ 2021 hiện nay đang ở với chị T. Sau khi ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hiện nay chị T đang làm Công nhân tại Công ty Luxshare thu nhập trung bình là 15.000.000đ/ tháng. Chị T khẳng định đủ sức nuôi con trưởng thành, khôn lớn. Cấp dưỡng nuôi con chị và anh H tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Trần Đình H và chị Vũ Thị Huyền T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án là đúng quy định của pháp luật. Về ý kiến giải quyết vụ án đề ghị HĐXX: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227- Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83- Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Đình H được ly hôn chị Vũ Thị Huyền T.

Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị Huyền T được nuôi con chung là Trần Quỳnh N, sinh ngày 11/9/2021. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng đất: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Anh Trần Đình H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Vũ Thị Huyền T là bị đơn trong vụ án có hộ khẩu thường trú tại thôn NL, xã NP, huyện Lục Nam. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa vắng mặt anh Trần Đình H và chị Vũ Thị Huyền T Nng các đương sự đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh H và chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 – Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Trần Đình H và chị Vũ Thị Huyền T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 09/7/2018 tại UBND xã NP, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh H và chị T đã có thời gian chung sống hạnh phúc và có 01 con chung. Theo anh H trình bày vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng tháng 10/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T không quan tâm đến đời sống gia đình bỏ mặc chồng con, thường xuyên chơi trò đỏ đen trên mạng. Theo chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do quan điểm

sống không phù hợp, hai vợ chồng không chung chí hướng phát triển kinh tế dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi vã. Việc này gia đình hai bên có biết và đã khuyên nhủ, động viên Nng không thành. Chị và anh H đã ly thân từ tháng 9/2022 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án anh H và chị T đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải để các hai bên về đoàn tụ được. Nay anh H xin ly hôn, chị T nhất trí. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã lâm và tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được vì vậy cần giải quyết cho anh Trần Đình H được ly hôn chị Vũ Thị Huyền T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Quỳnh N, sinh ngày 11/9/2021 nay đang ở với chị T đời sống được đảm bảo. Sau khi ly hôn chị T nhận nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Anh H cũng nhất trí để chị T nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy việc anh H tự nguyện để chị T nuôi con sau khi ly hôn là H toàn tự nguyện, hơn nữa con chung của vợ chồng chưa đủ 36 tháng tuổi, chị T có đầy đủ điều kiện để nuôi con và không có yêu cầu gì đối với anh H. Vì vậy, cần giao con cho chị T nuôi là phù hợp pháp luật. Do chị T không yêu cầu nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất anh H và chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Trần Đình H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện VKS ở tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227- Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83- Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Xử:

(1) Quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Đình H được ly hôn chị Vũ Thị Huyền T.

(2) Con chung: Giao cho chị Vũ Thị Huyền T được nuôi con chung của vợ chồng là Trần Quỳnh N, sinh ngày 11/9/2021. Anh Trần Đình H không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Vũ Thị Huyền T.

Anh Trần Đình H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

(3) Về án phí: Anh Trần Đình H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0014517 ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (Xác nhận anh H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

(4) Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-VKSND huyện Lục Nam;
-CCTHADS huyện Lục Nam;
-UBND xã NP;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Hợp